

Unit 3

第三部分 3rd part

gōng 工	work
zuò 做	do, make
gōng zuò 工作	work
yě 也	also
lǜ shī 律师	lawyer
lǎo shī 老师	teacher
men 们	plural
yì jiā rén 一家人	a family member
dú 独	only
nǚ 女	girl
dú shēng zǐ 独生子	only child (boy)
dú shēng nǚ 独生女	only child (girl)
shāng 商	business

shāng rén 商人	business man/woman
shū 书	book
mì shū 秘书	secretary

Extra words

yīng guó 英国	England
jiā ná dà 加拿大	Canada
dé guó 德国	Germany
fǎ guó 法国	France
hán guó 韩国	Korea
rì běn 日本	Japan
ào dà lì yà 澳大利亚	Australia